

Số: 57/2012/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 12 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của HĐND tỉnh về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ về việc quy định đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số 9237/TTr-UBND ngày 20/11/2012 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (Khóa VII) về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020; nội dung báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và các ý kiến thảo luận của các đại biểu tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 như sau:

1. Điều chỉnh tên gọi và kỳ quy hoạch như sau:

Điều chỉnh: “Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020” thành “Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020”.

2. Điều chỉnh Khoản 1 như sau:

Quy hoạch khai thác khoáng sản: Khoanh định 41 mỏ, diện tích 1.736,47 ha, trữ lượng 368,23 triệu m³, đã được thăm dò, hiện đang khai thác hoặc chuẩn bị đưa

vào cấp phép khai thác từ nay đến năm 2015. Trong đó:

a) Đá xây dựng: 31 mỏ, diện tích 1.273,30 ha; trữ lượng khoáng sản còn lại khoảng 360,57 triệu m³.

b) Sét gạch ngói: 03 mỏ, diện tích 46,0 ha, trữ lượng khoáng 4,12 triệu m³.

c) Cát xây dựng (dưới sông): 07 mỏ, diện tích 417,17 ha, trữ lượng khoáng 3,54 triệu m³.

3. Điều chỉnh Khoản 2 như sau:

Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản: Khoanh định 38 khu vực cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020, diện tích 1.605,19 ha, tài nguyên dự báo 207,25 triệu m³, gồm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn đến năm 2015: 38 khu vực có thân khoáng, diện tích 1.177,01 ha, tài nguyên dự báo 186,18 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 18 khu vực, diện tích 512,26 ha, tài nguyên dự báo khoảng 155,19 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 09 khu vực, diện tích 185,05 ha, tài nguyên dự báo khoảng 11,41 triệu m³.

- Cát xây dựng: 05 khu vực, diện tích 164,60 ha (có 99,0 ha cát dưới sông), tài nguyên dự báo khoảng 5,03 triệu m³.

- Than bùn: 04 khu vực, diện tích 25,3ha, tài nguyên dự báo 0,1 triệu m³.

- Cát san lấp (dưới sông): 02 khu vực, diện tích 289,8 ha, tài nguyên dự báo 14,45 triệu m³.

b) Tầm nhìn đến năm 2020: 09 khu vực có thân khoáng, diện tích 428,18 ha, tài nguyên dự báo 21,07 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 02 khu vực, diện tích 57,94 ha, tài nguyên dự báo khoảng 3,59 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 04 khu vực, diện tích 90,0 ha, tài nguyên dự báo khoảng 3,49 triệu m³.

- Cát xây dựng: 02 khu vực, diện tích 75,0 ha, tài nguyên dự báo khoảng 1,68 triệu m³.

- Cát san lấp (dưới sông): 01 khu vực, diện tích 205,24 ha, tài nguyên dự báo khoảng 12,31 triệu m³.

4. Điều chỉnh Khoản 3 như sau:

Quy hoạch khai thác vật liệu san lấp: Khoanh định 97 khu vực, diện tích 1.157,73 ha, tài nguyên dự báo khoảng 66,99 triệu m³, gồm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn đến năm 2015: Diện tích 712,09 ha, tài nguyên dự báo 41,66 triệu m³.

b) Tầm nhìn đến năm 2020: Diện tích 445,64 ha, tài nguyên dự báo 25,33 triệu m³.

5. Điều chỉnh, bổ sung Khoản 4 như sau:

Quy hoạch dự trữ khoáng sản: Khoanh định 103 khu vực, diện tích 7.189,31 ha, tài nguyên dự báo 660,74 triệu m³. Trong đó:

a) Đá xây dựng: 27 khu vực, diện tích 2.815,66 ha, tài nguyên dự báo 525,42 triệu m³.

b) Sét gạch ngói: 27 khu vực, diện tích 2.018,82 ha, tài nguyên dự báo 91,72 triệu m³.

c) Cát xây dựng: 03 khu vực, diện tích 624,5 ha, tài nguyên dự báo 14,22 triệu m³.

d) Vật liệu san lấp: 46 khu vực, diện tích 1.730,33 ha, tài nguyên dự báo 29,38 triệu m³.

Điều 2. Bổ sung một số giải pháp thực hiện tại Điều 2 như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo hướng tập trung một đầu mối, thông thoáng và thuận tiện hơn.

2. Xây dựng, ban hành quy định quản lý việc khai thác vật liệu san lấp đối với các khu vực không làm thay đổi mục đích sử dụng đất sau khai thác.

3. Đổi mới và hiện đại hoá công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025 theo Quyết định số 159/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Khắc phục tình trạng khai thác cát trái phép vẫn còn xảy ra ở một số địa phương; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác và vận chuyển khoáng sản; đẩy nhanh việc cấp phép khai thác, thăm dò khai thác theo quy hoạch.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được HĐND tỉnh thông qua, các nội dung còn lại tại Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND không

bị điều chỉnh, bổ sung vẫn tiếp tục thực hiện cho đến giai đoạn năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh Đồng Nai khóa VIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 06/12/2012./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung Tâm công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LỄ ĐÓN; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH *Thu*

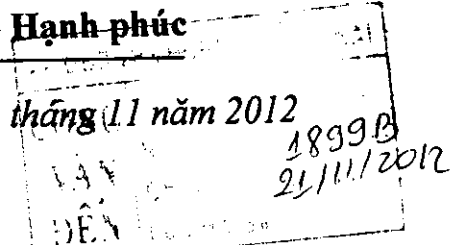
Trần Văn Tư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9237/TTr-UBND

Đồng Nai, ngày 20 tháng 11 năm 2012



TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2010 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2011.

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/03/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020 (*Đề án chi tiết kèm theo*) như sau:

I. Sự cần thiết điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh chịu sự tác động khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu; Chính phủ cắt giảm đầu tư công, kiềm chế lạm phát, ổn định và phát triển kinh tế. Bên cạnh đó một số chính sách, pháp luật mới được ban hành và có hiệu lực thi hành có tác động, ảnh hưởng đến quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản, đó là:

- Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01/07/2011; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

- Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Luật Khoáng sản năm 2010, thì kỳ quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là 5 năm, tầm nhìn là 10 năm. Mặt khác, theo kiến

ng nghị của Đoàn kiểm tra về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản số 97/ĐCKS-KSHĐKS ngày 19/01/2012 V/v phối hợp chỉ đạo công tác xử lý, đôn đốc thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra, tại khoản 2 có đề nghị: “Điều chỉnh lại kỳ quy hoạch khoáng sản theo quy định tại mục b khoản 2 Điều 10 Luật Khoáng sản 2010”.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011 - 2015) tỉnh Đồng Nai đã được được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai thông qua tại Nghị quyết số 39/2012/NQ-HĐND ngày 12/07/2012 và Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 30/10/2012.

- Nghị định số 42/2012/NĐ-CP việc quy hoạch sử dụng đất lúa chỉ phục vụ cho các mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, không cho phép sử dụng vào các mục đích khác hoặc nếu có thì rất hạn chế; trong khi đó việc quy hoạch khai thác khoáng sản như: sét gạch ngói, than bùn... chủ yếu thuộc các khu vực chiếm dụng diện tích đất lúa, cho nên cần điều chỉnh quy mô diện tích và chuyển sang quy hoạch dự trữ nguồn khoáng sản một số khu vực để phục vụ trong tương lai.

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng trọng điểm của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh. Trong khi đó, các mỏ đá tại thành phố Biên Hoà phải đóng cửa mỏ theo quy định, cho nên vật liệu xây dựng không thể đáp ứng cho việc xây dựng phát triển hạ tầng tại địa phương.

Từ những cơ sở nêu trên, việc điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai là cần thiết.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 9/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh đã chỉ đạo thực hiện đạt được những kết quả như sau:

1. Tổ chức thực hiện.

- Công bố quy hoạch khoáng sản trên website của Sở Tài nguyên và Môi trường, trên báo Đồng Nai (04 kỳ liên tục) và tại trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bàn giao tài liệu quy hoạch khoáng sản cho Sở Xây dựng, Sở Công thương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để phối hợp thực hiện. Đồng thời, đề nghị UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện) công bố công khai quy hoạch khoáng sản tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cấm mốc các khu vực quy hoạch khoáng sản và bàn giao cho địa phương quản lý.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động khoáng sản hàng năm và triển khai thực hiện.

2. Khối lượng thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp phép khai thác và cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường chủ yếu tập trung trên địa bàn các huyện Long Thành, Vĩnh Cửu, Trảng Bom, Thống Nhất, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, cụ thể:

2.1. Đối với các khu vực quy hoạch khai thác công nghiệp:

Trong 2 năm (2011- 2012), đã cấp phép khai thác công nghiệp 8 mỏ (gồm 7 mỏ đá và 1 mỏ cát), diện tích 347,44ha, nâng tổng số mỏ được cấp phép khai thác công nghiệp là 36/41 mỏ, diện tích 1.561,79/1.825,52 ha, đạt 85,55% diện tích quy hoạch. Trong đó:

- Đá xây dựng: 27/30 mỏ, diện tích 1.110,02/1.320,73 ha, đạt 84,04% diện tích (trong 2 năm: 2011 - 2012, cấp phép khai thác 7 mỏ, diện tích 304,74ha).

- Sét gạch ngói: 02/2 mỏ, diện tích 40/40 ha, đạt 100% diện tích (đã cấp phép khai thác trong kỳ quy hoạch trước).

- Cát xây dựng: 05/7 mỏ, diện tích 364,15/417,17 ha, đạt 87,29% diện tích (trong 2 năm: 2011 - 2012, cấp phép khai thác 1 mỏ, diện tích 42,7ha).

- Vật liệu san lấp: 02/2 mỏ, diện tích 47,6/47,6ha, đạt 100% diện tích (đã cấp phép khai thác trong kỳ quy hoạch trước).

2.2. Đối với các khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác công nghiệp:

Trong 2 năm (2011 - 2012), đã cấp phép thăm dò, khai thác công nghiệp 10/46 mỏ, diện tích 450,8 ha/3.605,4 ha, đạt 12,5% diện tích. Trong đó:

- Đá xây dựng: 08/18 mỏ, diện tích 317,8 ha/1.084,2 ha, đạt 29,3% diện tích quy hoạch.

- Sét gạch ngói: 01/20 mỏ, diện tích 55,0 ha/1.139,56 ha, đạt 04,8% diện tích quy hoạch.

- Cát xây dựng: 01/04 mỏ, diện tích 78,0 ha/865,1 ha, đạt 09,0% diện tích quy hoạch.

2.3. Đối với các khu vực quy hoạch khai thác quy mô nhỏ:

Thực hiện phân cấp của UBND tỉnh tại Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2008 Về phân cấp cấp phép vật liệu san lấp trên địa bàn cấp huyện

theo quy mô nhỏ, UBND cấp huyện đã cấp phép khai thác vật liệu san lấp quy mô nhỏ trên địa bàn các huyện được 57 hồ sơ, tổng diện tích 77,3ha.

3. Đánh giá kết quả thực hiện.

3.1. Những kết quả đạt được:

Công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã từng bước đi vào nền nếp, chặt chẽ hơn; các hoạt động khoáng sản đã có chuyển biến tích cực hơn trước, ý thức chấp hành pháp luật của người dân và doanh nghiệp về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản đã được nâng lên; tăng nguồn thu ngân sách và đã góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Công tác cấm mốc và bàn giao các khu vực quy hoạch ngoài thực địa đã giúp cho địa phương phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vi phạm về quy hoạch khoáng sản, hạn chế việc khai thác trái phép. Đồng thời, giúp cho doanh nghiệp hoạt động khoáng sản được thuận lợi trong định hướng đầu tư thăm dò, khai thác và quản lý các khu vực mỏ đã được cấp phép.

Quy hoạch khoáng sản đã phát huy hiệu quả trong quản lý hoạt động khoáng sản, đáp ứng nhu cầu về vật liệu xây dựng của tỉnh trong thời điểm hiện tại, ổn định nguồn cung cấp khoáng sản cho các năm tiếp theo.

3.2. Một số tồn tại hạn chế và nguyên nhân:

Kết quả cấp phép thăm dò, khai thác đối với các khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác công nghiệp đạt thấp là do thời gian thực hiện quy hoạch mới hơn một năm (từ năm 2011 đến 31/8/2012); tình hình khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới; việc tạm thời ngưng đầu tư công và tạm thời ngưng cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

Tình trạng khai thác khoáng sản (chủ yếu là cát) trái phép vẫn còn xảy ra; do sông Đồng Nai là nguồn cát cung cấp chính phục vụ cho thị trường xây dựng khu vực Đồng Nai - Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh, do thực hiện chỉ đạo tạm thời cấm, nên nguồn cát bị khan hiếm, trong khi đó nhu cầu ngày càng lớn, giá cát tăng cao, đã phát sinh việc khai thác cát trái phép ngày càng hết sức tinh vi.

Các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản chưa thật sự quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường như chậm đổi mới công nghệ chế biến, vận chuyển; chưa đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ khai thác mỏ; chưa thực hiện nghiêm việc đóng cửa mỏ theo quy định.

Chưa kịp thời xây dựng, ban hành quy định về khai thác, cấp phép khai thác đá lộ thiên trên đất sản xuất nông nghiệp nên chưa khai thác hết tiềm năng khoáng sản trên địa bàn tỉnh, chưa ngăn chặn hiệu quả việc khai thác trái phép nguồn tài nguyên này.

III. Những nội dung đề nghị điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số

196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020.

1. Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 như sau:

1.1. Điều chỉnh tên gọi và kỳ quy hoạch:

Điều chỉnh: “Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020” thành “**Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020**”.

1.2. Điều chỉnh khoản 1 như sau:

Quy hoạch khai thác khoáng sản: Khoanh định 41 mỏ, diện tích 1.736,47 ha, trữ lượng 368,23 triệu m³, đã được thăm dò, hiện đang khai thác hoặc chuẩn bị đưa vào cấp phép khai thác từ nay đến năm 2015. Trong đó:

- Đá xây dựng: 31 mỏ, diện tích 1.273,30 ha; trữ lượng khoáng sản còn lại khoảng 360,57 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 03 mỏ, diện tích 46,0 ha, trữ lượng khoáng 4,12 triệu m³.

- Cát xây dựng (dưới sông): 07 mỏ, diện tích 417,17 ha, trữ lượng khoáng 3,54 triệu m³.

1.3. Điều chỉnh khoản 2 như sau:

Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản: Khoanh định 38 khu vực cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020, diện tích 1.605,19 ha, tài nguyên dự báo 207,25 triệu m³, gồm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn đến năm 2015: 38 khu vực có thân khoáng, diện tích 1.177,01 ha, tài nguyên dự báo 186,18 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 18 khu vực, diện tích 512,26 ha, tài nguyên dự báo khoảng 155,19 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 09 khu vực, diện tích 185,05 ha, tài nguyên dự báo khoảng 11,41 triệu m³.

- Cát xây dựng: 05 khu vực, diện tích 164,60 ha (có 99,0 ha cát dưới sông), tài nguyên dự báo khoảng 5,03 triệu m³.

- Than bùn: 04 khu vực, diện tích 25,3ha, tài nguyên dự báo 0,1 triệu m³.

- Cát san lấp (dưới sông): 02 khu vực, diện tích 289,8 ha, tài nguyên dự báo 14,45 triệu m³.

b) Tầm nhìn đến năm 2020: 09 khu vực có thân khoáng, diện tích 428,18 ha, tài nguyên dự báo 21,07 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 02 khu vực, diện tích 57,94 ha, tài nguyên dự báo khoảng

3,59 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 04 khu vực, diện tích 90,0 ha, tài nguyên dự báo khoảng 3,49 triệu m³.

- Cát xây dựng: 02 khu vực, diện tích 75,0 ha, tài nguyên dự báo khoảng 1,68 triệu m³.

- Cát san lấp (dưới sông): 01 khu vực, diện tích 205,24 ha, tài nguyên dự báo khoảng 12,31 triệu m³.

1.4. Điều chỉnh khoản 3 như sau:

Quy hoạch khai thác vật liệu san lấp: Khoanh định 97 khu vực, diện tích 1.157,73 ha, tài nguyên dự báo khoảng 66,99 triệu m³, gồm 2 giai đoạn:

a) **Giai đoạn đến năm 2015:** Diện tích 712,09 ha, tài nguyên dự báo 41,66 triệu m³.

b) **Tầm nhìn đến năm 2020:** Diện tích 445,64 ha, tài nguyên dự báo 25,33 triệu m³.

1.5. Điều chỉnh, bổ sung khoản 4 như sau:

Quy hoạch dự trữ khoáng sản: Khoanh định 103 khu vực, diện tích 7.189,31 ha, tài nguyên dự báo 660,74 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 27 khu vực, diện tích 2.815,66ha, tài nguyên dự báo 525,42 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 27 khu vực, diện tích 2.018,82 ha, tài nguyên dự báo 91,72 triệu m³.

- Cát xây dựng: 03 khu vực, diện tích 624,5 ha, tài nguyên dự báo 14,22 triệu m³.

- Vật liệu san lấp: 46 khu vực, diện tích 1.730,33 ha, tài nguyên dự báo 29,38 triệu m³.

2. Bổ sung một số giải pháp thực hiện tại Điều 2 như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo hướng tập trung một đầu mối, thông thoáng và thuận tiện hơn.

- Xây dựng, ban hành quy định quản lý việc khai thác vật liệu san lấp đối với các khu vực không làm thay đổi mục đích sử dụng đất sau khai thác.

- Đổi mới và hiện đại hoá công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025 theo quyết định số 159/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Đối với các nội dung còn lại tại Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND không phải điều chỉnh, bổ sung đề nghị vẫn tiếp tục thực hiện cho đến giai đoạn năm

2015, tầm nhìn đến năm 2020.

IV. Tổ chức thực hiện.

Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020, sau khi được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt và chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường công bố công khai Quy hoạch và phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa cắm mốc cụ thể các khu vực quy hoạch ngoài thực địa, nhằm quản lý chặt chẽ quy hoạch; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

- Trên cơ sở quy hoạch điều chỉnh đã được phê duyệt, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công thương và các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng kế hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức thực hiện và tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình và kết quả triển khai thực hiện về Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phối hợp với các tỉnh, thành có liên quan thực hiện tốt thông báo liên tịch về quản lý khoáng sản khu vực giáp ranh; đồng thời, tiến hành nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tiềm năng cát xây dựng đã bồi lắng tại sông Đồng Nai, thống nhất kiến nghị cho phép thăm dò, tiến tới cho khai thác một số vị trí nhằm đáp ứng cho nhu cầu xây dựng và cũng là giải pháp quản lý, hạn chế khai thác cát trái phép.

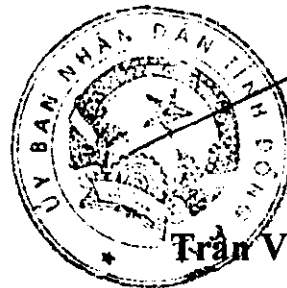
Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Ban Pháp chế - HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH (CNN, TH).

Th.cnn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Vĩnh

Số: /2012/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2012

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 5**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoáng sản đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2010 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2011;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/03/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai Về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (Khóa VII) Về quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020; nội dung báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh và các ý kiến thảo luận của các đại biểu tại tổ và kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 như sau:

1. Điều chỉnh tên gọi và kỳ quy hoạch như sau:

Điều chỉnh: “Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2020” thành “**Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020**”.

2. Điều chỉnh khoản 1 như sau:

Quy hoạch khai thác khoáng sản: Khoanh định 41 mỏ, diện tích 1.736,47 ha, trữ lượng 368,23 triệu m³, đã được thăm dò, hiện đang khai thác hoặc chuẩn bị đưa vào cấp phép khai thác từ nay đến năm 2015. Trong đó:

- Đá xây dựng: 31 mỏ, diện tích 1.273,30 ha; trữ lượng khoáng sản còn lại khoảng 360,57 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 03 mỏ, diện tích 46,0 ha, trữ lượng khoáng 4,12 triệu m³.

- Cát xây dựng (dưới sông): 07 mỏ, diện tích 417,17 ha, trữ lượng khoáng 3,54 triệu m³.

3. Điều chỉnh khoản 2 như sau:

Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản: Khoanh định 38 khu vực cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020, diện tích 1.605,19 ha, tài nguyên dự báo 207,25 triệu m³, gồm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn đến năm 2015: 38 khu vực có thân khoáng, diện tích 1.177,01 ha, tài nguyên dự báo 186,18 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 18 khu vực, diện tích 512,26 ha, tài nguyên dự báo khoảng 155,19 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 09 khu vực, diện tích 185,05 ha, tài nguyên dự báo khoảng 11,41 triệu m³.

- Cát xây dựng: 05 khu vực, diện tích 164,60 ha (có 99,0 ha cát dưới sông), tài nguyên dự báo khoảng 5,03 triệu m³.

- Than bùn: 04 khu vực, diện tích 25,3ha, tài nguyên dự báo 0,1 triệu m³.

- Cát san lấp (dưới sông): 02 khu vực, diện tích 289,8 ha, tài nguyên dự báo 14,45 triệu m³.

b) Tầm nhìn đến năm 2020: 09 khu vực có thân khoáng, diện tích 428,18 ha, tài nguyên dự báo 21,07 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 02 khu vực, diện tích 57,94 ha, tài nguyên dự báo khoảng 3,59 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 04 khu vực, diện tích 90,0 ha, tài nguyên dự báo khoảng 3,49 triệu m³.

- Cát xây dựng: 02 khu vực, diện tích 75,0 ha, tài nguyên dự báo khoảng

1,68 triệu m³.

- Cát san lấp (dưới sông): 01 khu vực, diện tích 205,24 ha, tài nguyên dự báo khoảng 12,31 triệu m³.

4. Điều chỉnh khoản 3 như sau:

Quy hoạch khai thác vật liệu san lấp: Khoanh định 97 khu vực, diện tích 1.157,73 ha, tài nguyên dự báo khoảng 66,99 triệu m³, gồm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn đến năm 2015: Diện tích 712,09 ha, tài nguyên dự báo 41,66 triệu m³.

b) Tầm nhìn đến năm 2020: Diện tích 445,64 ha, tài nguyên dự báo 25,33 triệu m³.

5. Điều chỉnh, bổ sung khoản 4 như sau:

Quy hoạch dự trữ khoáng sản: Khoanh định 103 khu vực, diện tích 7.189,31 ha, tài nguyên dự báo 660,74 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 27 khu vực, diện tích 2.815,66ha, tài nguyên dự báo 525,42 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 27 khu vực, diện tích 2.018,82 ha, tài nguyên dự báo 91,72 triệu m³.

- Cát xây dựng: 03 khu vực, diện tích 624,5 ha, tài nguyên dự báo 14,22 triệu m³.

- Vật liệu san lấp: 46 khu vực, diện tích 1.730,33 ha, tài nguyên dự báo 29,38 triệu m³.

Điều 2. Bổ sung một số giải pháp thực hiện tại Điều 2 như sau:

1. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo hướng tập trung một đầu mối, thông thoáng và thuận tiện hơn.

2. Xây dựng, ban hành quy định quản lý việc khai thác vật liệu san lấp đối với các khu vực không làm thay đổi mục đích sử dụng đất sau khai thác.

3. Đổi mới và hiện đại hoá công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025 theo Quyết định số 159/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo tại kỳ họp cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện chức năng giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa VIII, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày ... tháng 12 năm 2012.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, các nội dung còn lại tại Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND không bị điều chỉnh, bổ sung vẫn tiếp tục thực hiện cho đến giai đoạn năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Kinh tế Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án Nhân dân Tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐĐN; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Chánh, Phó văn phòng HĐND, VP.Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lưu VT-CV các khối.

CHỦ TỊCH

Trần Văn Tư

Số: /BC-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2012

BÁO CÁO TÓM TẮT

Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020

I. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch khoáng sản

1. Các căn cứ pháp lý.

- Luật Khoáng sản đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2010 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2011.

- Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

2. Sự cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản.

Thực hiện Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh chịu sự tác động khủng hoảng tài chính và suy giảm kinh tế toàn cầu; Chính phủ cắt giảm đầu tư công, kiềm chế lạm phát, ổn định và phát triển kinh tế; chính sách, pháp luật về khoáng sản mới được ban hành có tác động, ảnh hưởng đến quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản, đó là:

- Luật Khoáng sản năm 2010 có hiệu lực từ ngày 01/07/2011; Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/03/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 42/2012/NĐ-CP ngày 11/5/2012 về quản lý sử dụng đất trồng lúa; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung.

- Tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Luật Khoáng sản năm 2010, quy định kỳ quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là 5 năm, tầm nhìn là 10 năm. Mặt khác, theo kiến nghị của Đoàn kiểm tra về hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, Tổng cục Địa chất và Khoáng sản thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản số 97/ĐCKS-KSHĐKS ngày 19/01/2012 V/v phối hợp chỉ đạo công tác xử lý, đôn đốc thực hiện kiến nghị của Đoàn kiểm tra, tại khoản 2 có đề nghị: “Điều chỉnh lại kỳ quy hoạch khoáng sản theo quy định tại mục b khoản 2 Điều 10 Luật Khoáng sản 2010”.

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ

đầu (2011 - 2015) tỉnh Đồng Nai đã được được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai thông qua tại Nghị quyết số 39/2012/NQ-HĐND ngày 12/07/2012 và Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 30/10/2012.

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng trọng điểm của Trung ương và địa phương trên địa bàn tỉnh rất lớn. Trong khi đó, các mỏ đá tại thành phố Biên Hòa phải đóng cửa mỏ theo quy định, cho nên vật liệu xây dựng không thể đáp ứng cho việc xây dựng phát triển hạ tầng tại địa phương.

Từ những cơ sở nêu trên, việc điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai là cần thiết.

II. Trình tự thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa đánh giá kết quả 2 năm (2011 - 2012) thực hiện quy hoạch khoáng sản; đồng thời khảo sát thực địa, tổng hợp nhu cầu điều chỉnh, bổ sung và xác định các vị trí quy hoạch khoáng sản trên địa bàn tỉnh làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

1. Dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản của tỉnh đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 cơ bản hoàn thành. Sở Tài nguyên và Môi trường đã gửi lấy ý kiến của các Sở, ngành và UBND cấp huyện từ ngày 13/9/2012, có 13 đơn vị có văn bản góp ý, cụ thể:

- Có 04 đơn vị: Sở Tài chính, UBND thành phố Biên Hòa, UBND huyện Long Thành và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán có ý kiến nhất trí với dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

- Có 7 ý kiến góp ý đã tiếp thu chỉnh sửa hoàn thiện dự án.

- Có 09 kiến góp ý xin giải trình.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã có báo cáo tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý.

2. Ngày 25/10/2012, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức Hội nghị đóng góp ý kiến. Hội nghị có đại diện 19 đơn vị gồm các Sở, ngành, UBND cấp huyện và Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh tham dự.

Tại Hội nghị, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả chỉnh sửa hoàn thiện dự án, đồng thời báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý bằng văn bản. Sau khi nghe báo cáo, đại diện 19 đơn vị tham dự phát biểu ý kiến. Trong đó: có 17 ý kiến nhất trí với dự án sau chỉnh sửa và báo cáo tiếp thu giải trình các ý kiến góp ý; có 02 đơn vị có ý kiến góp ý bổ sung (Sở Tư pháp, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh).

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu các ý kiến góp ý và chỉnh sửa, bổ sung dự án và có báo cáo tiếp thu các ý kiến góp ý.

3. Ngày 06/11/2012, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách đã chủ trì Hội nghị thảo luận đóng góp ý kiến, tham dự Hội nghị có các Sở, ngành và Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tham dự.

Tại hội nghị có 01 ý kiến (Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh) góp ý bổ sung.

Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu ý kiến góp ý, chỉnh sửa hoàn thiện dự án quy hoạch khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

4. Ngày 15/11/2012, Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì Hội nghị các thành viên UBND tỉnh, để xem xét đề nghị thông qua HĐND tỉnh kết quả Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

Hội nghị nghe báo cáo kết quả thực hiện dự án, báo cáo tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý đối với dự án. Chủ trì Hội nghị xin ý kiến và Hội nghị thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua dự án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 tại kỳ họp thứ 5 HĐND tỉnh Khóa VIII (ngày 04 đến ngày 06 tháng 12 năm 2012).

III. Kết quả thực hiện quy hoạch khoáng sản (2 năm 2011 - 2012)

Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND ngày 09/12/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 3589/QĐ-UBND ngày 27/12/2010 và chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện, kết quả đạt được như sau:

1. Tổ chức thực hiện.

- Công bố quy hoạch khoáng sản trên website của Sở Tài nguyên và Môi trường, trên báo Đồng Nai (04 kỳ liên tục) và tại trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bàn giao tài liệu quy hoạch khoáng sản cho Sở Xây dựng, Sở Công thương và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để phối hợp thực hiện. Đồng thời, giao Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa công bố công khai quy hoạch khoáng sản tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cắm mốc các khu vực quy hoạch khoáng sản và bàn giao cho địa phương quản lý.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động khoáng sản hàng năm và triển khai thực hiện.

2. Khối lượng thực hiện.

2.1. Đối với các khu vực cấp phép khai thác công nghiệp:

Trong 2 năm (2011- 2012), đã cấp phép khai thác công nghiệp được 8 mỏ (gồm 7 mỏ đá và 1 mỏ cát), diện tích 347,44ha, nâng tổng số mỏ được cấp phép khai thác công nghiệp là 36/41 mỏ, diện tích 1.561,79/1.825,52 ha, đạt 85,55% diện tích quy hoạch. Trong đó:

- Đá xây dựng: 27/30 mỏ, diện tích 1.110,02/1.320,73 ha, đạt 84,04% diện tích (trong 2 năm: 2011 - 2012, cấp phép khai thác 7 mỏ, diện tích 304,74ha).

- Sét gạch ngói: 02/2 mỏ, diện tích 40/40 ha, đạt 100% diện tích (đã cấp phép khai thác trong kỳ quy hoạch trước).

- Cát xây dựng: 05/7 mỏ, diện tích 364,15/417,17 ha, đạt 87,29% diện tích (trong 2 năm: 2011 - 2012, cấp phép khai thác 1 mỏ, diện tích 42,7ha).

- Vật liệu san lấp: 02/2 mỏ, diện tích 47,6/47,6ha, đạt 100% diện tích (đã cấp phép khai thác trong kỳ quy hoạch trước).

2.2. Các khu vực quy hoạch thăm dò, khai thác công nghiệp:

Trong 2 năm (2011 - 2012), đã cấp phép thăm dò, khai thác công nghiệp được 10/46 mỏ, diện tích 450,8 ha/3.605,4 ha, đạt 12,5% diện tích. Trong đó:

- Đá xây dựng: 08/18 mỏ, diện tích 317,8 ha/1.084,2 ha, đạt 29,3% diện tích quy hoạch.

- Sét gạch ngói: 01/20 mỏ, diện tích 55,0 ha/1.139,56 ha, đạt 04,8% diện tích quy hoạch.

- Cát xây dựng: 01/04 mỏ, diện tích 78,0 ha/865,1 ha, đạt 09,0% diện tích quy hoạch.

2.3. Đối với các khu vực quy hoạch khai thác quy mô nhỏ:

Trong thời gian thực hiện phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 08/2008/QĐ-UBND ngày 18/01/2002 Về phân cấp cấp phép vật liệu san lấp trên địa bàn huyện theo quy mô nhỏ, Ủy ban nhân dân cấp huyện đã cấp phép khai thác vật liệu san lấp quy mô nhỏ trên địa bàn các huyện được 57 hồ sơ, tổng diện tích 77,3 ha.

2.4. Đối với khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường:

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã cấp phép thăm dò, khai thác 06 mỏ (trong đó có 01 mỏ nước khoáng), tổng diện tích 130,0 ha (không kể mỏ nước khoáng), thời gian cấp phép từ năm 1994 đến nay (có 01 mỏ đang hoạt động, 02 mỏ tạm ngưng hoạt động, 03 mỏ chưa hoạt động) vẫn còn tiếp tục hoạt động khai thác, cụ thể như sau:

- Puzlan: 01 mỏ, diện tích 38,0 ha.

- Đá ốp lát: 03 mỏ diện tích 16,9 ha.

- Laterit: 01 mỏ diện tích 75,2 ha.

- Nước khoáng: 01 mỏ.

3. Đánh giá kết quả thực hiện.

3.1. Những kết quả đạt được:

- Công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh đã từng bước đi vào nền nếp, chặt chẽ hơn; các hoạt động khoáng sản đã có chuyển biến tích cực hơn trước, ý thức chấp hành pháp luật của người dân và doanh nghiệp về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng khoáng sản đã được nâng lên; tăng nguồn thu ngân sách và đã góp phần quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Công tác cấm mốc và bàn giao các khu vực quy hoạch ngoài thực địa đã giúp cho địa phương phát hiện, ngăn chặn kịp thời những vi phạm về quy hoạch khoáng sản, hạn chế việc khai thác trái phép. Đồng thời, giúp cho doanh nghiệp hoạt động khoáng sản được thuận lợi trong định hướng đầu tư thăm dò, khai thác và quản lý các khu vực mỏ đã được cấp phép.

- Quy hoạch khoáng sản đã phát huy hiệu quả trong quản lý hoạt động khoáng sản, đáp ứng nhu cầu về vật liệu xây dựng của tỉnh trong thời điểm hiện tại, ổn định nguồn cung cấp khoáng sản cho các năm tiếp theo.

3.2. Một số tồn tại hạn chế và nguyên nhân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc tổ chức thực hiện quy hoạch vẫn còn một số hạn chế và nguyên nhân như:

- Tình trạng khai thác cát trái phép vẫn còn xảy ra; do sông Đồng Nai là nguồn cát cung cấp chính cho thị trường xây dựng khu vực Đồng Nai - Bình Dương - TP.Hồ Chí Minh, do thực hiện chỉ đạo tạm thời cấm cấp phép của Chính phủ, nên nguồn cát bị khan hiếm, trong khi đó nhu cầu ngày càng lớn, giá cát tăng cao, đã phát sinh việc khai thác trái phép ngày càng hết sức tinh vi.

- Các doanh nghiệp hoạt động khoáng sản chưa thật sự quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường như chậm đổi mới công nghệ chế biến, vận chuyển; chưa đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ khai thác mỏ; chưa thực hiện nghiêm việc đóng cửa mỏ theo quy định.

- Chưa có quy định về khai thác, cấp phép khai thác đá lộ thiên trên đất sản xuất nông nghiệp nên chưa khai thác hết tiềm năng khoáng sản trên địa bàn tỉnh, chưa ngăn chặn việc khai thác trái phép nguồn tài nguyên này.

- Kết quả cấp phép thăm dò, khai thác công nghiệp đạt thấp là do thời gian thực hiện quy hoạch mới hơn một năm (từ năm 2011 đến 31/8/2012); tình hình khủng hoảng kinh tế khu vực và thế giới; việc thực hiện ngưng đầu tư công và tạm thời ngưng cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản theo chỉ đạo của Chính phủ (theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012).

IV. Nội dung điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020

1. Nội dung điều chỉnh, bổ sung.

- Điều chỉnh tên gọi và kỳ quy hoạch theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 của Luật Khoáng sản năm 2010.

- Rà soát, điều chỉnh bổ sung các khu vực quy hoạch khoáng sản, các khu vực quy hoạch dự trữ khoáng sản, các khu vực đưa ra khỏi quy hoạch khoáng sản.

- Bổ sung vào quy hoạch khoáng sản các khu vực có khoáng sản tập trung, điều kiện khai thác thuận lợi, các khu vực khai thác vật liệu san lấp và khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể.

2.1. Quy hoạch khai thác khoáng sản:

Khoanh định 41 mỏ, diện tích 1.736,47 ha, trữ lượng 368,23 triệu m³, đã được thăm dò, hiện đang khai thác hoặc chuẩn bị đưa vào cấp phép khai thác từ nay đến năm 2015. Trong đó:

- Đá xây dựng: 31 mỏ, diện tích 1.273,30 ha; trữ lượng khoáng sản còn lại khoảng 360,57 triệu m³ (kế thừa quy hoạch năm 2010, diện tích 1.270,4 ha; nhận từ quy hoạch khác, diện tích 2,9ha - thân khoáng 43-4).

- Sét gạch ngói: 03 mỏ, diện tích 46,0 ha, trữ lượng khoáng 4,12 triệu m³ (kế thừa quy hoạch năm 2010, diện tích 40,0 ha; nhận từ quy hoạch khác, diện tích 6,0 ha - thân khoáng 89E-4).

- Cát xây dựng (cát dưới sông): 07 mỏ, diện tích 417,17 ha, trữ lượng khoáng 3,54 triệu m³.

2.2. Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản:

Khoanh định 38 khu vực cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn từ nay đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020, diện tích 1.605,19 ha (kế thừa quy hoạch năm 2010, diện tích 1.268,78 ha; nhận từ các quy hoạch khác, diện tích 97,64 ha; bổ sung mới, diện tích 238,77ha), tài nguyên dự báo 207,25 triệu m³, gồm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn đến năm 2015: 38 khu vực có thân khoáng, diện tích 1.177,01 ha, tài nguyên dự báo 186,18 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 18 khu vực, diện tích 512,26 ha, tài nguyên dự báo khoảng 155,19 triệu m³.

- Sét gạch ngói: 09 khu vực, diện tích 185,05 ha, tài nguyên dự báo khoảng 11,41 triệu m³.

- Cát xây dựng: 05 khu vực, diện tích 164,60 ha (có 99,0 ha cát dưới sông), tài nguyên dự báo khoảng 5,03 triệu m³.

- Than bùn: 04 khu vực, diện tích 25,3ha, tài nguyên dự báo 0,1 triệu m³.
- Cát san lấp (dưới sông): 02 khu vực, diện tích 289,8 ha, tài nguyên dự báo 14,45 triệu m³.

b) Tầm nhìn đến năm 2020: 09 khu vực có thân khoáng, diện tích 428,18 ha, tài nguyên dự báo 21,07 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 02 khu vực, diện tích 57,94 ha, tài nguyên dự báo khoảng 3,59 triệu m³.
- Sét gạch ngói: 04 khu vực, diện tích 90,0 ha, tài nguyên dự báo khoảng 3,49 triệu m³.
- Cát xây dựng: 02 khu vực, diện tích 75,0 ha, tài nguyên dự báo khoảng 1,68 triệu m³.
- Cát san lấp (dưới sông): 01 khu vực, diện tích 205,24 ha, tài nguyên dự báo khoảng 12,31 triệu m³.

2.3. Quy hoạch khai thác vật liệu san lấp:

Khoanh định 97 khu vực, diện tích 1.157,73 ha, tài nguyên dự báo khoảng 66,99 triệu m³ (kế thừa quy hoạch năm 2010, diện tích 623,02ha; nhận từ các quy hoạch khác, diện tích 133,92 ha; bổ sung mới, diện tích 400,79 ha), gồm 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn đến năm 2015: diện tích 712,09 ha, tài nguyên dự báo 41,66 triệu m³ (Trong đó: diện tích 605,49 ha, sau khai thác có làm thay đổi mục đích sử dụng đất; diện tích 106,6 ha, sau khai thác không làm thay đổi mục đích sử dụng đất).

b) Tầm nhìn đến năm 2020: diện tích 445,64 ha, tài nguyên dự báo 25,33 triệu m³ (Trong đó: diện tích 419,46 ha, sau khai thác có làm thay đổi mục đích sử dụng đất; diện tích 26,18 ha, sau khai thác không làm thay đổi mục đích sử dụng đất).

2.4. Quy hoạch dự trữ khoáng sản:

Khoanh định 103 khu vực, diện tích 7.189,31 ha, tài nguyên dự báo 660,74 triệu m³. Trong đó:

- Đá xây dựng: 27 khu vực, diện tích 2.815,66ha, tài nguyên dự báo 525,42 triệu m³ (kế thừa quy hoạch năm 2010, diện tích 2.067,6 ha; nhận từ quy hoạch khác, diện tích 726,21 ha; bổ sung mới, diện tích 21,85 ha).

- Sét gạch ngói: 27 khu vực, diện tích 2.018,82 ha, tài nguyên dự báo 91,72 triệu m³ (kế thừa quy hoạch năm 2010, diện tích 1.318,86 ha; nhận từ quy hoạch khác, diện tích 699,96 ha).

- Cát xây dựng: 03 khu vực, diện tích 624,5 ha, tài nguyên dự báo 14,22 triệu m³ (nhận từ các quy hoạch khác).

- Vật liệu san lấp: 46 khu vực, diện tích 1.730,33 ha, tài nguyên dự báo

29,38 triệu m³ (kế thừa quy hoạch năm 2010, diện tích 1.690,24 ha; nhận từ quy hoạch khác 40,09 ha).

3. Tổ chức thực hiện.

3.1. Về tổ chức thực hiện:

- Sở Tài nguyên và Môi trường công bố công khai Quy hoạch và phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa cấm mốc các khu vực quy hoạch, nhằm quản lý chặt chẽ quy hoạch; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

- Phối hợp với các tỉnh, thành có liên quan thực hiện tốt thông báo liên tịch về quản lý khoáng sản khu vực giáp ranh; đồng thời, tiến hành nghiên cứu, khảo sát, đánh giá tiềm năng cát xây dựng đã bồi lắng tại sông Đồng Nai, thống nhất kiến nghị cho phép thăm dò, tiến tới cho khai thác một số vị trí nhằm đáp ứng cho nhu cầu và cũng là giải pháp quản lý, hạn chế khai thác cát trái phép.

3.2. Trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý, thực hiện quy hoạch khoáng sản.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành và chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế chính sách khuyến khích, kêu gọi các nhà đầu tư có năng lực tài chính, công nghệ tiên tiến, hạn chế ô nhiễm môi trường để thăm dò, khai thác khoáng sản. Bố trí kinh phí để thực hiện thăm dò đánh giá trữ lượng các mỏ, để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản tăng nguồn thu ngân sách. Đồng thời chỉ đạo các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa phối hợp tổ chức thực hiện quy hoạch khoáng sản, cụ thể như sau:

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Công bố và phối hợp với các Sở, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện quy hoạch; tăng cường kiểm tra việc thực hiện quy hoạch. Hàng năm xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, triển khai thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện.

- Sở Xây dựng: Hướng dẫn các quy định về tiêu chuẩn, quy trình, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản. Định hướng về quy hoạch sử dụng vật liệu xây dựng cho các ngành kinh tế.

- Sở Công thương: Quản lý, giám sát và hướng dẫn các doanh nghiệp trong việc thực hiện các quy định về an toàn sử dụng vật liệu nổ công nghiệp trong khai thác khoáng sản (đá xây dựng). Phối hợp với Sở Xây Dựng, Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc thực hiện an toàn thiết kế, khai thác mỏ.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phối hợp cùng Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan và UBND cấp huyện nghiên cứu xây dựng, trình UBND Tỉnh ban hành Quy định về việc cải tạo đất nông nghiệp tại các khu vực có đá, phún sỏi đổ lộ thiên (không nằm trong quy hoạch khoáng sản).

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Phối hợp với Sở Tài chính cân đối nguồn vốn

ngân sách hàng năm cho công tác thăm dò, đánh giá chất lượng, trữ lượng mỏ để đấu giá quyền khai thác khoáng sản và giới thiệu các dự án phù hợp đầu tư tại các khu vực mỏ đã kết thúc khai thác.

- Sở Tài chính: Đề xuất cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước hàng năm cho công tác thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ để đấu giá quyền khai thác khoáng sản đã được quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và TP. Biên Hòa: Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khoáng sản, bảo vệ môi trường; thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, môi trường, an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội tại các khu vực có khoáng sản trên địa bàn quản lý.

- Ủy ban nhân dân cấp xã: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm quản lý các khu vực quy hoạch đã được cắm mốc ngoài thực địa, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động khoáng sản trái phép; phối hợp với các cơ quan chức năng bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn.

3.3. Các giải pháp (bổ sung) thực hiện:

Tiếp tục thực hiện các giải pháp tại Nghị quyết số 196/2010/NQ-HĐND, ngoài ra bổ sung các giải pháp sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp phép hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng theo hướng tập trung một đầu mối, thông thoáng và thuận tiện hơn.

- Xây dựng, ban hành quy định quản lý việc khai thác vật liệu san lấp đối với các khu vực không làm thay đổi mục đích sử dụng đất sau khai thác.

- Đổi mới và hiện đại hoá công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025 theo quyết định số 159/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo tóm tắt kết quả điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Văn Vĩnh

Số: 386/BC-STNMT

Đồng Nai, ngày 19 tháng 11 năm 2012

BÁO CÁO

Tiếp thu và giải trình các ý kiến góp ý về Dự án Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020

Thực hiện nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh giao về việc Điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020; Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch đến 2012; đồng thời khảo sát thực địa, tổng hợp nhu cầu điều chỉnh, bổ sung và xác định các vị trí quy hoạch khoáng sản trên địa bàn tỉnh; để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

Dự án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch khoáng sản của tỉnh đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 cơ bản hoàn thành. Sở Tài nguyên và Môi trường đã gửi lấy ý kiến của các Sở, ngành và UBND cấp huyện từ ngày 13/9/2012; ngày 25/10/2012, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức Hội nghị lấy ý kiến cho dự án. Ngày 06/11/2012, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách đã chủ trì Hội nghị thảo luận đóng góp ý kiến.

Qua mỗi lần có ý kiến đóng góp, Sở đã tiếp thu, xem xét hoàn chỉnh lại dự án; nay Sở Tài nguyên và Môi trường xin báo cáo kết quả quá trình tiếp thu chỉnh sửa hoàn thiện Dự án và giải trình các ý kiến góp ý như sau:

I. Các ý kiến góp ý bằng văn bản.

Sau khi dự án hoàn thành, Sở Tài nguyên và Môi trường đã gửi dự thảo đến các Sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố để xin ý kiến góp ý. Tổng số có 13 đơn vị đã góp ý bằng văn bản, trong đó: có 04 đơn vị nhất trí với dự thảo, 09 đơn vị có ý kiến phải tiếp thu chỉnh sửa và giải trình, cụ thể:

1. Có 04 đơn vị (Sở Tài chính, UBND thành phố Biên Hòa, UBND huyện Long Thành và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán) có ý kiến nhất trí với dự thảo quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

2. Có 7 ý kiến góp ý đã tiếp thu chỉnh sửa.

2.1. Chỉnh sửa thống nhất số liệu (tại mục III về Quy hoạch khai thác vật liệu san lấp giữa thuyết minh và phụ lục cho thống nhất; sửa nội dung trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư là “phối hợp với Sở Tài chính cân đối nguồn

vốn ngân sách hàng năm cho công tác thăm dò, đánh giá chất lượng, trữ lượng mỏ để đầu tư khai thác khoáng sản và giới thiệu các dự án phù hợp đầu tư tại các khu vực mỏ đã kết thúc khai thác (*ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư*).

2.2. Bổ sung các giải pháp, tổ chức thực hiện, như: Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp khai khoáng vào mục 2 phần I, chương VI (trang 72); bổ sung việc thực hiện đổi mới và hiện đại hóa công nghệ trong ngành công nghiệp khai khoáng đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2025 theo Quyết định số 159/2008/QĐ-TTg ngày 04/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ, tại mục 3 phần I, chương VI (trang 73) (*ý kiến của Sở Kế hoạch Đầu tư và Sở Công thương*).

Mục 1 phần II chương VI (trang 74) đã bổ sung tăng cường quản lý các mỏ sau khi kết thúc khai thác. Đã bổ sung vào mục 2.4 phần II chương VI (trang 75) trách nhiệm của Sở Công thương về việc chủ trì thực hiện các đề án, chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm đối với công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ sự phát triển bền vững trong ngành công nghiệp khai khoáng. Bổ sung vào mục 2.7 phần II chương VI (trang 76) việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản tại địa phương, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền (*ý kiến của Sở Công thương*).

2.3. Phần căn cứ pháp lý bổ sung các căn cứ như: Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020; Quyết định 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ Tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020 đã bổ sung tại trang 10 của báo cáo (*ý kiến Sở Xây dựng*).

2.4. Bổ sung hai khu vực quy hoạch khai thác vật liệu san lấp trên địa bàn huyện Cẩm Mỹ đối với khu vực quy hoạch CM15-1, diện tích 4,3ha thuộc xã Nhân Nghĩa và khu vực quy hoạch CM12-2, diện tích 3,7ha thuộc xã Nhân Nghĩa (*ý kiến của UBND huyện Cẩm Mỹ*).

2.5. Bổ sung 2 khu vực quy hoạch khai thác vật liệu san lấp trên địa bàn huyện Nhơn Trạch đối với khu vực quy hoạch NT1 thuộc xã Long Tân có diện tích 6,25ha và khu vực quy hoạch NT2 thuộc xã Phước An có diện tích 9,2ha. Điều chỉnh thân khoáng 181A-3 thuộc xã Phú Hội có diện tích 86,3ha từ quy hoạch sét gạch ngói sang quy hoạch khai thác vật liệu san lấp (*ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nhơn Trạch*).

2.6. Đã bỏ quy hoạch khai thác vật liệu san lấp đối với vị trí có số hiệu quy hoạch 53-2, số thứ tự 25, tại phụ lục 10, phần IV. Do không phù hợp quy hoạch sử dụng đất (ý kiến của UBND thị xã Long Khánh).

2.7. Bổ sung quy hoạch khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đá xây dựng số hiệu XLĐ-3 (xã Xuân Hòa), diện tích là 09,35ha (ý kiến của UBND huyện Xuân Lộc).

3. Có 09 kiến góp ý xin giải trình.

3.1. Đề nghị xem xét điều chỉnh quy hoạch khoáng sản các khu vực:

- Các khu vực quy hoạch ĐQ1, 47A-5, 47B-5, 49-5 (xã Gia Canh, huyện Định Quán) và các khu vực 184A-5, 184A-1 (xã Bàu Cạn, huyện Long Thành) do vị trí các khu vực này thuộc quy hoạch đất lâm nghiệp (theo quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch 3 loại rừng của tỉnh).

- Các khu vực quy hoạch: số hiệu 27-5b (xã Phú Bình, huyện Tân Phú); số 4D-5, 4C-5a, 4B-5a, 4B-5b, 4C-3b, 4C-5b (xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú); số 5-5 (xã Núi Tượng, huyện Tân Phú); số 17-5a, 17-5b; số 89C-5a, 89C-5 (xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu); số 89A-1 (xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu); số 48-5 (xã Gia Canh, huyện Định Quán) do các khu vực này thuộc quy hoạch đất trồng lúa (theo quy hoạch sử dụng đất của tỉnh). (ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn)

Giải trình: Khoáng sản là nguồn tài nguyên không tái tạo và chỉ hình thành ở một số nơi nhất định, cho nên phải được quản lý, bảo vệ, khai thác sử dụng hợp lý, triệt để tiết kiệm và hiệu quả cao. Vì vậy, cần phải xác định các khu vực quy hoạch dự trữ nguồn tài nguyên khoáng sản để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai, đồng thời bảo vệ các khu vực có khoáng sản không bị khai thác trái phép. Mặt khác các khu vực quy hoạch dự trữ, quy hoạch cấm, tạm thời cấm không làm ảnh hưởng đến mục đích sử dụng đất, các khu vực này vẫn được sử dụng đất theo mục đích hiện hữu.

Riêng đối với số hiệu ĐQ1 đã đưa ra khỏi quy hoạch khoáng sản.

3.2. So với quy hoạch đã được phê duyệt, tiêu đề của Báo cáo điều chỉnh bổ sung lần này không có cụm từ "chế biến", đề nghị có giải trình; Báo cáo Quy hoạch đề cập chủ yếu đến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn. Do đó đề nghị xem xét lại tên Báo cáo Quy hoạch (ý kiến của Sở Xây dựng và Sở Công thương).

Giải trình: Theo quy định tại Điều 10 của Luật Khoáng sản năm 2010 thì quy hoạch khoáng sản của cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tiêu đề là: "Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, không có cụm từ "chế biến" và theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 9 Nghị định số 15/NĐ-CP ngày 9/03/2012 của Chính phủ thì quy

hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản cấp tỉnh được lập đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, cho nên tiêu đề của dự án là phù hợp với quy định.

3.3. Cần đánh giá được những mặt đạt được, những khó khăn kể từ khi quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai được phê duyệt năm 2010, từ đó cần thiết phải điều chỉnh quy hoạch (ý kiến của Sở Công thương).

Giải trình: Các nội dung theo đề nghị nêu trên đã được trình bày đầy đủ, chi tiết trong báo cáo tại khoản 1 Mục I và khoản 3 Mục II của chương II.

3.4. Bổ sung đánh giá phân xuất, nhập khẩu khoáng sản trên địa bàn tỉnh tại chương II của báo cáo (ý kiến của Sở Công thương).

Giải trình: Theo quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản lập năm 2010, thì khoáng sản khai thác chủ yếu là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn, và sử dụng đáp ứng với nhu cầu thị trường trong tỉnh, không phải nhập khẩu cũng như không có xuất khẩu khoáng sản, cho nên trong báo cáo không đánh giá việc xuất, nhập khẩu khoáng sản.

3.5. Trên cơ sở lựa chọn phương án điều chỉnh quy hoạch, đề nghị tính toán nhu cầu khối lượng khoáng sản cần thăm dò đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020; nhu cầu khối lượng khoáng sản cần mở rộng khai thác, sử dụng. Trên cơ sở khối lượng được tính toán làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và dự báo khối lượng khoáng sản sử dụng trên địa bàn tỉnh (ý kiến của Sở Xây dựng và Sở Công thương).

Giải trình: Qua đánh giá khối lượng khai thác, sử dụng khoáng sản (năm 2010 - 2012) dự án đã tính toán nhu cầu khai thác, sử dụng khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 (thống kê tại phụ lục số 8). Đồng thời, cũng đã tính toán, xác định nhu cầu khối lượng khoáng sản cần mở rộng khai thác, sử dụng (thống kê tại phụ lục số 7); phần dự báo khối lượng khoáng sản sử dụng trên địa bàn tỉnh được thể hiện tại bảng III-3 của báo cáo thuyết minh.

3.6. Trong giai đoạn hiện nay đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh đang chuẩn bị đầu tư xây dựng một số dự án giao thông lớn như đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây, đường cao tốc Dầu Giây - Phan Thiết, đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu, đường cao tốc Bến Lức - Nhơn Trạch - Long Thành, đường vành đai 4, đường vành đai 3, sân bay quốc tế Long Thành... Vì vậy, nhu cầu sử dụng khoáng sản (cát, sỏi, đá xây dựng...) rất lớn (khoảng 3 triệu m³ đá xây dựng). Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu các dự án nói trên để điều chỉnh quy hoạch phân bố trữ lượng khai thác hợp lý đảm bảo nhu cầu khoáng sản cho các dự án này (Ý kiến của Sở Giao thông Vận tải).

Giải trình: Thực hiện việc điều chỉnh quy hoạch khoáng sản đã có tính toán việc đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm nêu trên, cho nên đã có tính toán để đưa vào quy hoạch khoáng sản để đáp ứng các công trình trọng điểm còn tính toán nhu cầu sử dụng các công trình khác trên địa bàn tỉnh. Việc dự tính nhu cầu sử dụng khoáng sản được trình bày Chương III (Bảng III-3), ngoài ra hàng năm Sở sẽ tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch thăm dò, để đầu tư quyền khai thác đáp ứng nhu cầu sử dụng khoáng sản trong tỉnh và khu vực

3.7. Nhu cầu sỏi đỏ phục vụ xây dựng các công trình giao thông hiện nay rất lớn, trong khi đó khối lượng khai thác hiện tại không đáp ứng đủ nhu cầu, nhiều công trình đã phải thay thế bằng cát san lấp, đá. Đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu thăm dò bổ sung các khu vực khai thác sỏi đỏ để phục vụ nhu cầu trong tỉnh (ý kiến của Sở Giao thông Vận tải).

Giải trình: Trong quá trình điều chỉnh quy hoạch đã làm việc với địa phương khảo sát và xác định nhu cầu vật liệu san lấp trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố, cho nên việc quy hoạch các khu vực khai thác khoáng sản làm vật liệu san lấp theo quy hoạch là đáp ứng đủ nhu cầu hiện nay của tỉnh.

3.8. Căn cứ Quyết định số 567/QĐ-TTg, Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 16/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1257/QĐ-UBND ngày 08/5/2012 về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đề nghị các khu vực làm sét gạch ngói thì không quy hoạch trong khu đô thị, thị trấn, thị tứ, khu dân cư nhằm làm hạn chế việc sản xuất gạch đất sét nung, tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung (ý kiến của Sở Xây dựng).

Giải trình: Việc điều chỉnh quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020 đã căn cứ theo các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ đất trồng lúa nước, an toàn cho người dân tại các khu vực khai thác và hạn chế sử dụng sét làm vật liệu nung, cho nên đối với các khu vực quy hoạch sét gạch ngói đều thuộc các khu vực xa khu đô thị, thị trấn và hạn chế việc sử dụng đất lúa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của tỉnh đến năm 2020.

3.9. Theo điểm e, khoản 4, Điều 9 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 9/03/2012 có quy định khi lập quy hoạch khoáng sản phải "xác định quy mô, công suất khai thác" (ý kiến của Sở Xây dựng).

Giải trình: Trong quá trình lập quy hoạch khoáng sản đã lập bảng tổng hợp (phụ lục 1) các mỏ đã cấp phép khai thác và thể hiện cả công suất khai thác để làm cơ sở đánh giá cho việc đáp ứng nhu cầu thị trường.

II. Các ý kiến góp ý tại Hội nghị (ngày 25/10/2012).

Ngày 25/10/2012, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức Hội nghị gồm đại diện các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và Ban Kinh tế

Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh để lấy ý kiến đóng góp cho dự án sau khi đã tiếp thu và giải trình ở trên.

Tại hội nghị có 19 ý kiến, trong đó 17 ý kiến nhất trí, 02 ý kiến xin tiếp thu, cụ thể gồm các nội dung như sau:

1. Về bố cục của phần mở đầu của Báo cáo thuyết minh nên sắp xếp lại phần căn cứ pháp lý lên trước phần sự cần thiết, mục tiêu và nhiệm vụ.

2. Về phương án thực hiện quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản chỉ cần xác định một phương án và phân tích sâu những ưu điểm, nhược điểm của phương án để từ đó có giải pháp thực hiện hiệu quả, phù hợp.

3. Bổ sung phần Tổ chức thực hiện quy hoạch nội dung tiến độ, phân kỳ thực hiện cho các năm 2013, 2014 và năm 2015 và năm 2016 đến 2020.

4. Xác định việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản đã lập năm 2020, nên trong báo cáo thuyết minh làm rõ thêm các nội dung điều chỉnh, bổ sung và các nội dung giữ như quy hoạch đã lập năm 2010, để từ đó dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cho phù hợp.

III. Các ý kiến góp ý tại Hội nghị (ngày 06/11/2012).

Ngày 06/11/2012, Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách đã chủ trì Hội nghị có các Sở, ngành và Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh tỉnh cùng tham dự. Tại Hội nghị, Sở Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo dự án sau khi đã tiếp thu, giải trình ở trên.

Tại Hội nghị có 01 ý kiến (Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh) góp ý, đã được tiếp thu, gồm các nội dung sau:

1. Báo cáo cần làm rõ kết quả thực hiện các nội dung quy hoạch: phần diện tích đã được cấp phép khai thác của kỳ quy hoạch trước, phần diện tích cấp phép khai thác của kỳ quy hoạch này.

2. Thống kê diện tích các khu vực khai thác khoáng sản dưới sông, diện tích quy hoạch khai thác vật liệu san lấp mà sau khai thác có thay đổi hoặc không thay đổi mục đích sử dụng đất.

3. Báo cáo thuyết minh bổ sung làm rõ diện tích tiếp tục quy hoạch, diện tích điều chỉnh và diện tích bổ sung mới đối với quy hoạch khai thác khoáng sản; quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản; quy hoạch khai thác vật liệu san lấp và quy hoạch dự trữ khoáng sản.

4. Đề nghị chỉnh sửa lại bố cục: chuyển nội dung Chương V thành phần C của Chương IV và bổ sung nội dung Chương V về kết quả sau điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

5. Đề xuất giải pháp việc quản lý các khu vực quy hoạch khai thác vật liệu san lấp mà sau khai thác không làm thay đổi mục đích sử dụng đất.

IV. Các ý kiến góp ý tại Hội nghị (ngày 15/11/2012).

Ngày 15/11/2012, Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì Hội nghị các thành viên UBND tỉnh để xem xét thông qua HĐND tỉnh điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản đến năm 2012, tầm nhìn đến năm 2020.

Hội nghị nghe báo cáo trình tự, kết quả điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản, báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với dự án. Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì Hội nghị đã lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh thống nhất đề nghị thông qua điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khoáng sản tại kỳ họp thứ 5 (từ ngày 04 đến ngày 06/12/2012) HĐND tỉnh Khóa VIII.

Trên đây là báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý về điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Đồng Nai đến năm 2015, tầm nhìn đến năm 2020./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành;
- UBND các H, TX, TP;
- Lưu VT-KSTNN (30b).

GIÁM ĐỐC



Lê Viết Hưng